

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1647/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 11 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt số lượng, danh sách học sinh trung học phổ thông
được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP
ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của
Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn
đặc biệt khó khăn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số
154/TTr-SGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng, danh sách học sinh trung học phổ thông được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Số lượng học sinh được hưởng chính sách	Ghi chú
1	Trường THPT Krông Nô	55	
2	Trường THPT Hùng vương	78	
3	Trường THPT Trần Phú	111	
4	Trường THPT Gia Nghĩa	37	
5	Trường THPT Chu Văn An	24	
6	Trường THPT Phan Bội Châu	37	
7	Trường THPT Phan Chu Trinh	1	
8	Trường THPT Lê Duẩn	126	
9	Trường THPT Đắk Glong	323	
10	Trường THPT Quang Trung	9	
11	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	108	
12	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	3	

TT	Đơn vị	Số lượng học sinh được hưởng chính sách	Ghi chú
13	Trường THPT Phạm Văn Đồng	248	
14	Trường THPT Trường Chinh	74	
15	Trường THPT Lê Quý Đôn	179	
16	Trường THCS&THPT Lê Hữu Trác	575	
17	Trường THPT Đắk Song	11	
Tổng cộng		1.999	

(Danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ thực hiện theo Tờ trình số 154/TTr-SGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Hướng dẫn các trường trung học phổ thông có tên trên thực hiện việc niêm yết công khai và chi trả kinh phí hỗ trợ cho học sinh theo số lượng, danh sách phê duyệt bảo đảm kịp thời, đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác và tính pháp lý đối với các nội dung do đơn vị trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Hiệu trưởng các trường trung học phổ thông có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX_(VN).

5

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh



Số:154 /TTr-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 04 tháng 10 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo
Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

Triển khai thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; sau khi tổng hợp, Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình UBND tỉnh Đắk Nông xem xét, phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP trong năm học 2022-2023 (có dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo), cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Tổng số học sinh được hưởng chính sách	Ghi chú
	Năm học 2022-2023	1.999	
1	Trường THPT Krông Nô	55	
2	Trường THPT Hùng vương	78	
3	Trường THPT Gia Nghĩa	37	
4	Trường THPT Chu Văn An	24	
5	Trường THPT Phan Bội Châu	37	
6	Trường THPT Trần Phú	111	
7	Trường THPT Lê Duẩn	126	
8	Trường THPT Đắk Glong	323	
9	Trường THPT Quang Trung	9	
10	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	108	
11	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	3	
12	Trường THPT Phạm Văn Đồng	248	
13	Trường THPT Lê Quý Đôn	179	
14	Trường THPT Trường Chinh	74	
15	Trường THPT Đắk Song	11	
16	Trường THCS & THPT Lê Hữu Trác	575	
17	Trường THPT Phan Chu Trinh	1	

(Chi tiết danh sách học sinh của từng trường theo phụ lục đính kèm từ số 1 đến số 17)

Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình UBND tỉnh Đắk Nông xem xét, ban hành quyết định phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCB-TC(Dt).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Toàn

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ****NĂM HỌC 2022-2023****ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS & THPT LÊ HỮU TRÁC - HUYỆN TUY ĐỨC***(Kèm theo Tờ trình số /SGDDT-TCCBTC, ngày /10/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông)*

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
1	Đào Ngọc Diễm My	Điêng Du	Đắk Ngo	7	
2	Đinh Thị Mai Lan	Điêng Du	Đắk Ngo	7	
3	Thị Bích	Điêng Du	Đắk Ngo	10	
4	Nguyễn Thị Duyên	phì lơ te 1	Đắk Ngo	12	
5	Thị Diễm	Điêng Du	Đắk Ngo	9	
6	Trần Thanh Hào	Điêng Du	Đắk Ngo	12	
7	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Điêng Du	Đắk Ngo	12	
8	Điêu Nhung	Điêng Du	Đắk Ngo	10	
9	Triệu Văn Tài	Điêng Du	Đắk Ngo	8	
10	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Điêng Du	Đắk Ngo	12	
11	Lê Thị Phương Anh	Tân Bình	Đắk Ngo	7	
12	Trương Thị Ngọc Ánh	Tân Bình Đắk Ngo	Đắk Ngo	7	
13	Lâm Mậu Chương	Philote	Đắk Ngo	10	
14	Võ Thanh Hồng	Điêng Du	Đắk Ngo	12	
15	Trần Anh Tiến	Thôn 1	Đắk Ngo	9	
16	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Điêng Du	Đắk Ngo	12	
17	Sùng Thị Ế	Tân Lập	Đắk Ngo	12	
18	Nguyễn Trịnh Công Vũ	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
19	Hỷ Phúc Thiện	Tân Bình	Đắk Ngo	8	
20	Hoàng A Dính	Tân Lập	Đắk Ngo	12	
21	Điêu Tuy	Điêng Du	Đắk Ngo	12	
22	Hạng Thị Duyên	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
23	Lâu Văn Ân	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
24	Thảo A Dương	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
25	Lý A Đức	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
26	Thảo A Hợp	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
27	Giàng Thị Dinh	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
28	Vũ thị Hằng	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
29	Tráng Thị Ngọc Nhung	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
30	Giàng Thị Như	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
31	Thảo Thị Nhị	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
32	Sùng Thị Nhi	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
33	Thảo Xo Ni	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
34	Giảng Thị Suất	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
35	Vàng Văn Phương	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
36	Giảng A Sủ	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
37	Thảo Xi Mông	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
38	Giảng A Sinh	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
39	Sùng A Phóng	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
40	Thảo Thị Gồng	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
41	Tráng Đa NiA'	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
42	Giảng Thị Thiên	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
43	Thảo Thị Xo	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
44	Sùng Thị Phi	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
45	Cháng A Tâm	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
46	Giảng A Thanh	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
47	Thảo Thị Sĩ	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
48	Vàng Thị Vía	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
49	Sùng Thị Lan	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
50	Cháng Thị Vinh	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
51	Sùng Thị Liên	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
52	Thảo Thị Thiên	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
53	Giảng Thị Phương	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
54	Sùng A Tấn	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
55	Vừa A Hồng	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
56	Sùng Thị Phua	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
57	Lầu Thị Hoa	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
58	Trần Thị Phương Anh	Diêng Đu	Đắk Ngo	12	
59	Đoãn Thị Ngọc Anh	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
60	Nguyễn Lê Phương Anh	Thôn 2	Đắk Ngo	7	
61	Phạm Quốc Bảo	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
62	Điêu Bình	Bon Philote	Đắk Ngo	12	
63	Điêu Bình	Bon Philote	Đắk Ngo	12	
64	Nguyễn Thị Mỹ Chi	Thôn 3	Đắk Ngo	9	
65	Dương Thị Ngọc Diệp	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
66	Vĩ Tiến Dũng	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
67	Hồ Hương Giang	Thôn 3	Đắk Ngo	7	
68	Đàm Thị Yên Nhi	Diêng Đu	Đắk Ngo	13	
69	Thị Hậu	Bon Philote	Đắk Ngo	11	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (DVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
70	Nguyễn Trung Hiếu	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
71	Lý Thị Kim Hoa	Thôn 3	Đắk Ngo	11	
72	Võ Thị Ánh Hồng	Thôn 2	Đắk Ngo	12	
73	Lê Tuấn Kiệt	Thôn 1	Đắk Ngo	10	
74	Lê Thị Thủy Linh	Thôn 2	Đắk Ngo	7	
75	Nguyễn Phúc Lộc	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
76	Lê Long Nhật	Thôn 2	Đắk Ngo	12	
77	Lâm Bảo Nhi	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
78	Thị Nhím	Philote	Đắk Ngo	11	
79	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
80	Nguyễn Phan Lan Phương	Thôn 3	Đắk Ngo	9	
81	Phan Trần Minh Quân	Thôn 2	Đắk Ngo	8	
82	Bùi Ngọc Quý	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
83	Hồ Thị Hoài Sương	Thôn 2	Đắk Ngo	12	
84	Phan Văn Tâm	Thôn 1	Đắk Ngo	8	
85	Nguyễn Thị Thùy Trâm	Philote	Đắk Ngo	8	
86	Trần Thị Thu Trang	Philote 1	Đắk Ngo	10	
87	Trần Thị Thùy Trinh	Thôn 7	Đắk Ngo	8	
88	Vũ Thanh Trúc	Thôn 1	Đắk Ngo	12	
89	Điền Tuyền	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
90	Điền Thị Uyên	Điêng Đu	Đắk Ngo	12	
91	Nguyễn Thị Tường Vy	Thôn 2	Đắk Ngo	12	
92	Danh Thị Xuân	Philote 1	Đắk Ngo	14	
93	Điền Thị Như Ý	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
94	Nguyễn Tấn Kiệt	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
95	Trương Thị Mỹ Hằng	Philote	Đắk Ngo	10	
96	Nông Thị Bích Phương	Philote	Đắk Ngo	12	
97	Điền Sun	Philote	Đắk Ngo	12	
98	Vừ Thị Bìa	Đoàn Kết	Đắk Ngo	8	
99	Thào A Bình	Ninh Hòa	Đắk Ngo	7	
100	Thào A Cừ	Ninh Hòa	Đắk Ngo	8	
101	Vàng A Cường	Tân Lập	Đắk Ngo	8	
102	Giàng A Cường	Ninh Hòa	Đắk Ngo	7	
103	Sùng A Cường	Ninh Hòa	Đắk Ngo	8	
104	Vàng Thị Mai Diệu	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
105	Vàng Thị Dợ	Tân Lập	Đắk Ngo	7	
106	Ma Thị Dợ	Ninh Hòa	Đắk Ngo	9	
107	Vàng A Đồng	Tân Lập	Đắk Ngo	8	
108	Lý Văn Đồng	Tân Lập	Đắk Ngo	8	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
109	Vàng Thị Dưa	Tân Lập	Đak Ngo	9	
110	Giàng Thị Dưa	Tân Lập	Đak Ngo	7	
111	Vàng Văn Đức	Tân Lập	Đak Ngo	7	
112	Dương Thị Duyên	Tân Lập	Đak Ngo	8	
113	Hoàng Văn Hải	Tân Lập	Đak Ngo	8	
114	Hàng Thị Hiền	Ninh Hòa	Đak Ngo	9	
115	Thào Thị Hoa	Tân Lập	Đak Ngo	7	
116	Lý Thị Hoa	Tân Lập	Đak Ngo	10	
117	Ma Thị Hoa	Ninh Hòa	Đak Ngo	8	
118	Giàng A Huy	Ninh Hòa	Đak Ngo	10	
119	K'Nhật Khiêm	Đak Nung	Đak Nhau	20	
120	Ngô Thị Kim	Ninh Hòa	Đak Ngo	9	
121	Thào A Kính	Tân Lập	Đak Ngo	9	
122	Hầu Thị Lan	Tân Lập	Đak Ngo	10	
123	Hầu Thị Liên	Tân Lập	Đak Ngo	9	
124	Vàng Thị Ly	Ninh Hòa	Đak Ngo	8	
125	Vàng Thị Mây	Tân Lập	Đak Ngo	9	
126	Giàng Thị Mơ	Tân Lập	Đak Ngo	10	
127	Thị My	Điêng Đu	Đak Ngo	8	
128	Vàng Thị Nga	Tân Lập	Đak Ngo	8	
129	Thào A Ngọc	Tân Lập	Đak Ngo	8	
130	Giàng A Phổng	Tân Lập	Đak Ngo	8	
131	Sùng Seo Pử	Tân Lập	Đak Ngo	8	
132	Giàng Thị Phua	Tân Lập	Đak Ngo	9	
133	Vàng Thị Minh Phương	Ninh Hòa	Đak Ngo	8	
134	Hoàng Thị Phượng	Tân Lập	Đak Ngo	9	
135	Giàng A Sinh	Ninh Hòa	Đak Ngo	9	
136	Lỗ Văn Sơn	Tân Lập	Đak Ngo	9	
137	Sùng Seo Thang	Ninh Hòa	Đak Ngo	10	
138	Điêu Dân	Bon Phi lơ te	Đak Ngo	10	
139	Giàng Đức Thắng	Tân Lập	Đak Ngo	8	
140	Sinh A Vừ	Đoàn Kết	Đak Ngo	9	
141	Đào Hữu Sắc	Điêng Đu	Đak Ngo	9	
142	Thị Hồng	Bon Phi lơ te	Đak Ngo	10	
143	Vàng A Cừ	Đoàn Kết	Đak Ngo	10	
144	Điêu Dân	Philotel	Đak Ngo	10	
145	Vàng thị Dí	Đoàn Kết	Đak Ngo	10	
146	Lý Thị Hoa	Đoàn Kết	Đak Ngo	10	
147	Tráng Thị Phương	Đoàn Kết	Đak Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
148	Lý Thị Dung	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
149	Sùng A Trắng	ninh hòa	Đắk Ngo	10	
150	Vũ Văn Việt	tân lập	Đắk Ngo	10	
151	Hồ Thị vân	tân lập	Đắk Ngo	10	
152	Vàng Thị xuân	tân lập	Đắk Ngo	10	
153	Sơn Thị oanh	Philotel	Đắk Ngo	10	
154	Lương Nhã lan	Philotel	Đắk Ngo	10	
155	Chang A Có	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
156	Lù Seo Tu	tân lập	Đắk Ngo	10	
157	Hạng Nghĩa Thắng	tân lập	Đắk Ngo	10	
158	Bản Thị my	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
159	Nguyễn Thị Thanh thảo	ninh hòa	Đắk Ngo	10	
160	Thị phụng	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
161	Giàng A chi	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
162	sùng thị Xi	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
163	Chang Thị La	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
164	Vừ A Đình	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
165	Hoàng Lâm	thôn 3	Đắk Ngo	10	
166	lê Uyên linh	tân bình	Đắk Ngo	8	
167	Thị Nương	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
168	Điều Đại	Philotel	Đắk Ngo	10	
169	Thị Thi	Philotel, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
170	Giàng thị Pàn	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
171	Lù A Bì	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
172	Trương Ngọc Minh	Điêng Đu	Đắk Ngo	9	
173	Thảo Văn Minh	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
174	Sín Điều Hảo Nam	Phi lợ te	Đắk Ngo	10	
175	Lương Thùy Trang	Điêng Đu	Đắk Ngo	8	
176	Giàng A Bình	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
177	Hạng Thị Chanh	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
178	Hầu Thị Chi	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
179	Hồ Thị Chi	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
180	Thảo Thị Kim Chi	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
181	Thảo A Chung	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
182	Hàng Thành Công	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
183	Hoàng Minh Cường	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
184	Vàng Thanh Cường	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
185	Vàng Văn Cường	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
186	Pán Thị Đậu	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
187	Vũ Thị Đậu	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
188	Giảng Minh Đồng	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
189	Hoàng Seo Đồng	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
190	Hạng Thị Gầu	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
191	Hồ Thị Gầu	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
192	Thảo Vĩnh Hà	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
193	Giảng Minh Hùng	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
194	Giảng Thị Khoa	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
195	Nguyễn Văn Lâm	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
196	Lù Thị Linh	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
197	Trần Thiên Long	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
198	Hạng Thị Ly	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
199	Giảng Thị Lý	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
200	Sùng A Mang	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
201	Vàng A Minh	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
202	Hồ A Minh	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
203	Hồ A Mông	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
204	Thảo Thị Nhi	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
205	Giảng Thị Phân	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
206	Thảo A Phổng	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
207	Hầu Vĩnh Phúc	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
208	Thảo A Quân	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
209	Thảo Thị Quý	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
210	Sùng Thị Súa	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
211	Vàng Quốc Tạo	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
212	Thảo A Thanh	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
213	Lý A Thường	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
214	Giảng Thị Thủy	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
215	Hạng Thị Văn	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
216	Sùng Thị Văn	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
217	Giảng A Vinh	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
218	Thảo Thị Xơ	Ninh Hòa, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
219	Giảng Bình Xuân	Tân Lập, Đắk Ngo	Đắk Ngo	10	
220	Sùng A Ba	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
221	Sùng Thị Chá	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	25	
222	Thảo A Chá	Mường Báng	Mường Chá, Điện Biên	15	
223	Chánh Thị Che	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
224	Lầu A Chua	Nậm Nền	Mường Chà, Điện Biên	12	
225	Vừ A Chung	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
226	Hàng Thị Dưa	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
227	Thào Thị Dưa	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
228	Thào Thị Gấu	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
229	Danh Trí Hà	Phí lợ te 1	Đắk Ngo	9	
230	Chánh Thị Hiệu	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	20	
231	Giảng Thị Hoa	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	20	
232	Sùng Thị Hoa	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	19	
233	Giảng Thị Kim	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
234	Thị Kim	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
235	Thảo Thị Máy	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
236	Vừ Thị Mỹ	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
237	Lý Thị Năng	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
238	Vàng A Nhanh	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	15	
239	Vừ A Nù	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
240	Vũ Thành Phát	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
241	Sùng Thị Ray	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
242	Vàng Thị Sĩ	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
243	Giảng A Sinh	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
244	Thào Thị Súa	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
245	Giảng A Thái		Tùa Chùa, Điện Biên	15	
246	Vàng A Thừa	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
247	Giảng A Trao	Sính Phình	Tùa Chùa, Điện Biên	12	
248	Sùng A Tùa	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
249	Thị Tuy	Điêng Đu	Đắk Ngo	14	
250	Thị Tuyết	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
251	Giảng A Tý	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
252	Thị Uyên	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
253	Pán Quang Vinh	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
254	Vàng A Vinh	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
255	Ma Thị Xoan	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
256	Nguyễn Vũ Sơn	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
257	Bùi Tấn Thiện	Phủ Lợi	Giang Thành, Kiên Giang	13	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
258	Giảng A Dơ	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
259	Hoàng Thị Như Quỳnh	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
260	Lâm Sỹ Bảo	Phi la te 1	Đắk Ngo	11	
261	Lương Thùy Chi	Phi la te 1	Đắk Ngo	12	
262	Thị Chúc	Tân Bình	Đắk Ngo	8	
263	Sinh A Cù	Phiêng Pên	Mùn Chung	16	
264	Đinh Văn Giáp	Tân Bình	Đắk Ngo	8	
265	Hồ Sỹ Anh Khoa	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
266	Nguyễn Duy Kiên	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
267	Giảng Thị Là	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
268	Vàng Văn Phong	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
269	Vũ A Thái	Hát Lầu	Pú Xi	12	
270	Hoàng Đức Thắng	Phi la te 1	Đắk Ngo	11	
271	Lâm Hữu Toàn	Phi la te 1	Đắk Ngo	11	
272	Giảng A Trọng	Ninh Hòa	Đắk Ngo	8	
273	Thị Yêm	Tân Bình	Đắk Ngo	8	
274	Sùng A Minh	Pú piên	Mường Mùn	10	
275	Lý thị May	Phi đình	Sinh Phình	11	
276	Hoàng Diệu Kim	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	
277	Đàm Đặng Cường	Thôn 3	Đắk Ngo	9	
278	Nguyễn Quốc Bảo	Thôn 1	Đắk Ngo	11	
279	Đỗ Nguyễn Tuấn Phương	Thôn 1	Đắk Ngo	11	
280	Huỳnh Thị Kim Nguyệt	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	
281	Nguyễn Vương Ngọc Anh	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
282	Vũ Quang An	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	
283	Bùi Văn An	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
284	Nguyễn Trường Giang	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
285	Lê Tấn Phát	Thôn 1	Đắk Ngo	11	
286	Đào Xuân Hòa	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	
287	Bùi Ngọc Như	Thôn 1	Đắk Ngo	11	
288	Nguyễn Quốc Dũng	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
289	Thị Huệ	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	
290	Phạm Nhật Anh	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
291	Nguyễn Hải Lâm	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	
292	Đoàn Thị Bích Trâm	Thôn 7	Đắk Ngo	11	
293	Nguyễn Trần Hoa Chanh	Thôn 3	Đắk Ngo	9	
294	Hoàng Phi Hùng	Thôn 3	Đắk Ngo	9	
295	Nguyễn Như Quỳnh	Thôn 3	Đắk Ngo	9	
296	Bùi Thị Ngọc Tiên	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
297	Hoàng Thùy Trâm	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
298	Nguyễn văn Tài	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
299	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
300	Nguyễn Văn Dân	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	9	
301	Đàm Thị Cẩm Giang	Thôn 1	Đắk Ngo	11	
302	Nông Văn Nghĩa	Thôn 7	Đắk Ngo	11	
303	Nông Quốc Huy	Thôn 7	Đắk Ngo	11	
304	Phạm Bảo Duy	Thôn 3	Đắk Ngo	9	
305	Nguyễn Minh Khôi	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
306	Phạm Thị Cẩm Nhung	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	9	
307	Nguyễn Thị Tuyết Hà	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	9	
308	Võ Đại Toàn	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	9	
309	Đinh Công nghĩa	Thôn 7	Đắk Ngo	11	
310	Sùng Thị Dân	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
311	Lừu Thị Lá	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
312	Mông Thị Ngọc Giang	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	9	
313	Nguyễn Thu Mừng	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
314	Lê Thị Tuyết Minh	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
315	Điền Lương	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	9	
316	Vũ Quốc Huy	Thôn 1	Đắk Ngo	9	
317	Mông Thái Nam	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	9	
318	Nguyễn Trần Đình Cư	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
319	Vàng Đức Cường	Bản Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
320	Giảng A Nghệ	Bản Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
321	Nông Thị Văn Oanh	Thôn Tân Bình	Đắk Ngo	7	
322	Sùng A Thái	Bản Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
323	Thào Thị Thủy	Bản Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
324	Giảng A Nhè	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
325	Bùi Thị Ánh Tuyết	Bon Điêng Đu	Đắk Ngo	12	
326	Nguyễn Văn Trung	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
327	Hà Việt Hoàng	Bon Điêng Đu	Đắk Ngo	12	
328	Ngô Thị Hoa	Bản Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
329	Lê Thị Hoàng Quyên	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
330	Phạm Thị Hoài Băng	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
331	Lương Bảo Châu	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	13	
332	Thị Châu	Phi lợ te 1	Đắk ngo	13	
333	Hoàng A Chúng	Tân Lập	Đắk Ngo	8	
334	Thị Diễm	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	13	
335	Dương Đình Đức	Thôn 3	Đắk Ngo	11	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
336	Trương Đức Duy	Thôn 3	Đắk Ngo	11	
337	Thị Hiền	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
338	Thị Hiền	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	13	
339	Nguyễn Trung Hiếu	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
340	Hoàng Thị Hoa	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	13	
341	Bùi Quang Huy	Thôn 1	Đắk Ngo	11	
342	Đoàn Thị Khánh Huyền	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	13	
343	Giàng Thị Ke	Tân Lập	Đắk Ngo	8	
344	Bùi Quốc Kì	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
345	Đặng Thị Thu Loan	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
346	Điêu Lỵ	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
347	Trần Dương Hải Lý	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
348	Nguyễn Thị Lệ Mai	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	13	
349	Bùi Nguyễn Trà My	Thôn 2	Đắk Ngo	13	
350	Nguyễn Thành Nền	Điêng Đu	Đắk Ngo	9	
351	Trần Thị Thanh Nhân	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
352	Điêu Nhặng	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	13	
353	Vũ Thị Tuyết Nhi	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
354	Nguyễn Trịnh Quỳnh Như	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
355	Thị Phần	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
356	Võ Thị Hồng Phượng	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
357	Nguyễn Tuyết Sương	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
358	Lê Văn Tâm	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
359	Triệu Thị Thắm	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	13	
360	Chu Thị Thu Thảo	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	13	
361	Võ Đại Thực	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
362	Ngô Thạch Mỹ Tinh	Điêng Đu	Đắk Ngo	8	
363	Lê Thùy Trang	Thôn 1	Đắk Ngo	10	
364	Điêu Minh Trí	Điêng Đu	Đắk Ngo	9	
365	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thôn 1	Đắk Ngo	11	
366	Vi Tiến Tỳ	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	13	
367	Thị Tuyên	Điêng Đu	Đắk Ngo	9	
368	Phan Thị Lành	Điêng Đu	Đắk Ngo	9	
369	Phan Thành Nghĩa	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
370	Nguyễn Hữu Minh	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
371	Thảo Thị A	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
372	Vàng A Công	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
373	Giàng A Cu	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
374	Giàng A Cu	Tân Lập	Đắk Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
375	Hồ A Cừ	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
376	Giảng A Cường	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
377	Giảng Thị Hà	Đắk Sơn	Đắk Glong	10	
378	Lù Thị Hoa	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
379	Hoàng Minh Hồng	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
380	Hạng Thị Kía	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
381	Vàng Thị Liên	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
382	Lý Tiểu Long	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
383	Giảng Thị May	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
384	Giảng A Năm	Mường mươn	Mường Chà-ĐB	10	
385	Hồ A Nhật	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
386	Thảo Thị Ninh	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
387	Giảng A Nù	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
388	Sùng A Ông	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
389	Dương Văn Phi	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
390	Thảo A Phong	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
391	Hoàng Ly Phương	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
392	Mùa A Sinh	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
393	Thảo A Sơn	Phùng Cự	Phình Sáng - Tuần Giáo-Điện Biên	10	
394	Hoàng A Sùng	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
395	Vàng Seo Thanh	Ngại Sô	Nậm Môn-Bắc Hà-Lào Cai	10	
396	Vàng A Thủ	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
397	Thảo Thị Trang	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
398	Ma Seo Trắng	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
399	Giảng A Trình	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
400	Sùng Thị Tinh Tuệ	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
401	Vàng Thị Út	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
402	Hùng Thị Văn	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
403	Và Bá Vương	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
404	Ngô Văn Xuân	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
405	Thảo A Xuân	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
406	Hầu Thị Yến	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
407	Nguyễn Thế Huy	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
408	Lê Hoàng Huy	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
409	Điêu Thị Kim Ngọc	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
410	Giảng A Ba	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
411	Giảng A Chanh	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
412	Giảng A Chè	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
413	Sinh A Chư	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
414	Thảo A Công	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
415	Thảo A Dinh	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
416	Vàng Thị Dưa	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
417	Vàng A Giồng	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
418	Trắng A Hảo	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
419	Vàng A Hùng	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
420	Giảng Nhật Long	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
421	Phảng Thị Mai	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
422	Giảng A Mạnh	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
423	Giảng A Mông	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
424	Lý A Nà	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
425	Vàng A Nùng	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
426	Sùng A Phỏ	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
427	Thảo A Phong	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
428	Vàng A Sao	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
429	Trắng Thị Sĩ	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
430	Sùng Thị Sinh	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
431	Vừ Thị Súa	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
432	Chảng A Súa	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
433	Giảng A Thi	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
434	Giảng A Tinh	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
435	Sùng Thị Tý	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
436	Lủ Thị Xay	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
437	Chảng Thị Xoa	Đoàn Kết	Đăk Ngo	9	
438	Luong Bảo Nghi	Điêng Đu	Đăk Ngo	8	
439	Hoàng Minh Tiến	Ninh Hòa	Đăk Ngo	8	
440	Giảng Hồng Cư	Ninh Hòa	Đăk Ngo	8	
441	Lý Thị Mùa	Tân Lập	Đăk Ngo	12	
442	Mông Quế Uyên Uyên	Ninh Hòa	Đăk Ngo	15	
443	Huỳnh Đăng Gia Bảo	Phi lợ te 1	Đăk Ngo	12	
444	Nguyễn Bảo Duy	Thôn 1	Đăk Ngo	10	
445	Phạm Kiều Duyên	Thôn 1	Đăk Ngo	10	
446	Võ Phúc Hảo	Thôn 1	Đăk Ngo	10	
447	Bùi Văn Hoài	Phi lợ te 1	Đăk Ngo	12	
448	Nguyễn Đức Huy	Phi lợ te 1	Đăk Ngo	12	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
449	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Thôn 1	Đắk Ngo	10	
450	Thị Ngân	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	12	
451	Nguyễn Thị Như Nguyệt	Thôn 1	Đắk Ngo	10	
452	Lê Trịnh Yến Nhi	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
453	Thị Nhi	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	12	
454	Thị Như	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	12	
455	Huỳnh Thị Hà Phương	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	12	
456	Nguyễn Như Quỳnh	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
457	Tô Minh Sơn	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	12	
458	Hoàng Minh Thiện	Thôn 3	Đắk Ngo	11	
459	Bùi Thị Ngọc Thủy	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	12	
460	Thị Thủy	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	12	
461	Hoàng Thái Tú	Thôn 3	Đắk Ngo	11	
462	Phạm Tiến Tú	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
463	Hỷ Minh Vũ	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
464	Nguyễn Thị Như Ý	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
465	Thảo A Bế	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
466	Vàng A Bình	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
467	Thảo A Chính	Đoàn Kết	Đắk Ngo	9	
468	Sùng A Chở	Đoàn Kết	Đắk Ngo	9	
469	Sùng A Chung	Đoàn Kết	Đắk Ngo	9	
470	Chánh Thị Dợ	Đoàn Kết	Đắk Ngo	9	
471	Vàng Thị Goạ	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
472	Điêu Hậu	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
473	Sùng Thị Hoa	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
474	Thảo A Hòa	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
475	Vàng A Hồng	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
476	Nguyễn Gia Huy	Điêng Đu	Đắk Ngo	8	
477	Sùng A Lão	Đoàn Kết	Đắk Ngo	9	
478	Giàng Thị Mai Linh	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
479	Lý A Mông	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
480	Hoàng Thúy Ngọc	Điêng Đu	Đắk Ngo	8	
481	Giàng Thị Ong	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
482	Điêu Trần Thiên Quang	Phi te 1	Đắk Ngo	12	
483	Lê Hoàng Đỗ Quyên	Điêng Đu	Đắk Ngo	9	
484	Thảo A Sinh	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
485	Hoàng A Sừ	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
486	Vàng Thị Tấu	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
487	Bùi Huy Thái	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
488	Lý A Thanh	Đoàn Kết	Đăk Ngo	10	
489	Thào A Thẻ	Đoàn Kết	Đăk Ngo	11	
490	Vàng A Thu	Đoàn Kết	Đăk Ngo	10	
491	Nguyễn Văn Thương	Điêng Du	Đăk Ngo	9	
492	Nguyễn Hoàng Bảo Trúc	Điêng Du	Đăk Ngo	10	
493	Hoàng Thị Thúy Vi	Điêng Du	Đăk Ngo	10	
494	Chánh Thị Xanh	Đoàn Kết	Đăk Ngo	10	
495	Vàng Thị Xanh	Đoàn Kết	Đăk Ngo	10	
496	Lê Thị Như Ý	Điêng Du	Đăk Ngo	13	
497	Điêu Thị Kim Ngân	Điêng Du	Đăk Ngo	14	
498	Lê Vũ Ngọc Như	Phưte I	Đăk Ngo	10	
499	Hoàng A Minh	Tân Lập	Đăk Ngo	9	
500	Thào A Thắng	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
501	Giàng A Hoàng	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
502	Thị Trâm	Đồng Dương	Đăk Ngo	15	
503	Giàng Thị Bảy	Tân Lập	Đăk Ngo	10	
504	Giàng Thị Thứ	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
505	Sùng Thị Hương	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
506	Hạng Seo Kết	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
507	Lý Thị Sưa	Tân Lập	Đăk Ngo	10	
508	Lý Thành Công	Tân Lập	Đăk Ngo	10	
509	Thào Thị Di	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
510	Thào Văn Hồng	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
511	Vàng Văn Cường	Tân Lập	Đăk Ngo	10	
512	Hầu Thị May	Tân Lập	Đăk Ngo	10	
513	Giàng Thị Xinh	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
514	Giàng A Hảo	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
515	Thào Thị Vinh	Tân Lập	Đăk Ngo	10	
516	Tráng Thị Mỹ	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
517	Giàng A Vinh	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
518	Mùa Thị Y	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
519	Hoàng A Hải	Tân Lập	Đăk Ngo	10	
520	Vàng Thị Nhi	Tân Lập	Đăk Ngo	10	
521	Giàng A Hoàng	Tân Lập	Đăk Ngo	10	
522	Giàng A Tù	Tân Lập	Đăk Ngo	11	
523	Sùng Thị Tuyết	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
524	Sùng Thị Phương	Ninh Hòa	Đăk Ngo	10	
525	Vàng A Phảy	Tân Lập	Đăk Ngo	10	
526	Điêu Thiệp	Phi lơ te	Đăk Ngo	8	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (DVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
527	Giảng Thị Thanh	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
528	Hạng Thị Linh	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
529	Thào A Trường	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
530	Mùa A Trường	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
531	Giảng Thị Dung	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
532	Giảng Thị Hiền	Tân Lập	Đắk Ngo	12	
533	Danh Chí Hải	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
534	Giảng A Bình	Tân Lập	Đắk Ngo	12	
535	Danh Trí Sang	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
536	Chánh Thị Hà	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
537	Thị Thái	Bon Diêng Du	Đắk Ngo	13	
538	Điều Thị Hồng Diệp	Bon Diêng Du	Đắk Ngo	13	
539	Hứa Hữu Nghĩa	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	10	
540	Phạm Nguyễn Liên Anh	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
541	Thào A Dũng	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
542	Thào A Hạng	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
543	Võ Đại Nhật	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
544	Điều Phi	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
545	Mông Thị Hồng Lệ	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
546	Điều Tâm	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	10	
547	Nguyễn Ngọc Huy	Thôn 1	Đắk Ngo	10	
548	Vàng Văn Đại	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
549	Thào Thị La	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
550	Thào Seo Chúng	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
551	Giảng A Sai	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
552	Giảng A Tủa	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
553	Lô A Hồng	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
554	Điều Thiên	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
555	Sùng Văn Dương	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
556	Vàng A Thi	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
557	Thị Hân	Bản Phi lơ te	Đắk Ngo	13	
558	Chu Đức Nghĩa	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
559	Điều Truyền	Bản Phi lơ te	Đắk Ngo	13	
560	Chánh A Chua	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
561	Điều Huy	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
562	Lưu Việt Hoàng	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
563	Hoàng Thị Khánh Vy	Bản Tráng	Đắk Ngo	20	
564	Thị Cẩm	Bản Diêng Du	Đắk Ngo	17	
565	Điều Lâm	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
566	Sùng Thị Vân	Bản Đình Hòa	Đắk Ngo	11	
567	Hạng A Thắng	Bản Phi lơ te	Đắk Ngo	13	
568	Vàng Văn Cư	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
569	Hoàng Văn Tiến	Bản Phi lơ te	Đắk Ngo	13	
570	Vi Tiên Tài	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
571	Sùng Seo Phành	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
572	Vũ A Công	Đoàn kết	Đắk Ngo	12	
573	Hỷ Minh Phú	Tân Bình	Đắk Ngo	12	
574	Phạm Nguyễn Bảo	Điêng Du	Đắk Ngo	13	
575	Tráng Thị Vi	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	

Ấn định danh sách có 575 học sinh./.